

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-PT
Ngày 05 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Văn Lịnh**

Ông **Võ Thanh Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo **Tôn Nguyễn Đ** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2019/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: Tôn Nguyễn Đ - Sinh năm: 1994; nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Tôn Minh P** và bà **Nguyễn Thị N**; vợ **Thị Bé D**; con: 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 (có mặt tại phiên tòa).

- Bị cáo không kháng cáo: Danh T - Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông **Danh S**; sinh năm 1968 và bà **Thị N**; sinh năm 1965; Vợ tên **Huỳnh Thúy A**, sinh năm 1996 và có 01 người con sinh năm 2014; Tiền sự: Không; tiền án có 01 tiền án: Ngày 22/9/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử 03 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2018 **Tôn Nguyễn Đ** rủ **Danh T** đi đến ấp H, xã T để tìm đối tượng tên **L** (chưa xác định được nhân thân lại

lịch) để đánh nhau vì trước đó L có hăm dọa đòi đánh Đ, nghe vậy T liền đồng ý. Khi đi T có mang theo 01 cây dao yếm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 60cm và cất giấu trong người rồi điều khiển xe mô tô biển số 93T1 - 6560 chở Đ ngồi sau đi đến ấp T, xã G. Khi đến nơi T thấy L đang ngồi uống rượu cạnh bên nhà của anh Cao Văn C. Lúc này T dừng xe lại và cùng Đ đi vào nơi L đang ngồi, Đ hỏi L “mày định chém tao hả?” L nói “không có” và rủ T và Đ vào uống rượu chung thì cả 02 đồng ý. Trong lúc uống rượu Đ nhìn thấy 01 cây dao yếm cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40cm để gần chỗ Đ ngồi nên Đ lấy cây dao trên và cất giấu trong người rồi đi sang nhà Cao Văn C để tìm C nói chuyện về việc C đánh bạn của Đ trước đây. Khi Đ sang nhà C thì Đ và chị Danh Thị Bích T2 (vợ anh C) xảy ra cự cãi với nhau. T nghe tiếng Đ cự cãi nên chạy sang nhà C kéo Đ ra ngoài. Đ thấy xe mô tô biển số kiểm soát 68S8-7212 của anh C đậu cặp hông nhà nên đã dùng tay đập vào phần đầu xe của C làm phần đầu xe bị nứt rồi cùng T lên xe bỏ đi.

Sau đó Danh R là anh bà con của C nghe có người đến nhà C đập xe nên rủ Danh T1 là chú của R đi đến nhà C. Đến nơi R nghe chị T2 kể lại sự việc, R liền lấy 01 cây dao yếm ở nhà bếp của C cầm trên tay và đi ra cặp mé lộ trước nhà ngồi và để cây dao cặp bên. Danh T1 cũng lấy 01 cây dao yếm trong nhà C cầm đi ra trước nhà với C. Một lúc sau, T chở Đ quay lại trước cửa nhà C, T thấy R liền hỏi “mày có phải là C không” R trả lời là “không phải”, T liền bước xuống xe rút dao trong người chém R 01 dao, bị chém bất ngờ R đưa tay trái đỡ nên bị thương ở cẳng tay trái. Lúc này R bỏ chạy thì liền bị Đ cầm dao chạy đến chém trúng vào cánh tay trái làm lưỡi dao văng ra khỏi cán.

Lúc này Danh T1 thấy R bị T và Đ chém nên chạy ra trên tay T1 cầm một cây dao và một khúc cây, thấy T đang đứng trước lộ T1 liền cầm cây ném vào người T và xông vào chém T nhưng không trúng, T liền dùng dao chém lại T1 trúng vào đầu gây thương tích. Lúc này người nhà của T1 chạy ra thì Đ chạy xe đến chở T bỏ đi, khi T đi đến cầu tịnh xá Ngọc Giang thì ném bỏ cây dao trên xuống sông rồi bỏ về nhà. R và T1 sau đó được mọi người đưa đi bệnh viện đa khoa Kiên Giang điều trị. T1 điều trị đến ngày 26 tháng 10 năm 2018 thì xuất viện, R điều trị đến ngày 22 tháng 10 năm 2018 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 03/KL-PY ngày 30 tháng 11 năm 2018 của trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang đối với Danh R thể hiện: Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại ở cánh tay trái là 02%, ở cẳng tay trái là 24%; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là 25%; vật gây thương tích: vật sắc.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 57/KL-PY ngày 28/12/2018 của trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang đối với Danh T1 thể hiện: Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại ở vùng đỉnh phải là 20%; Cung mày phải là 02%; vùng cẳng – cổ tay phải là 06%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là 24%; vật gây thương tích: vật sắc.

* Về vật chứng thu giữ trong vụ án và hướng xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là cây dao mà T dùng để gây án và phần lưỡi dao mà Đ dùng để gây án theo

lời khai của 2 bị cáo đã ném bỏ xuống kênh. Vì vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng trên.

Qua trình khám nghiệm Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) khúc gỗ hình trụ (cán dao) màu xám kích thước 0,165m x 0,04m một đầu có quần dây chỉ. Đây là phần cán dao mà Tôn Nguyễn Đ cầm bỏ lại hiện trường.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2019/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Tôn Nguyễn Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

*** Áp dụng:** Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Tôn Nguyễn Đ - 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/5/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Danh T 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 23 tháng 10 năm 2019, bị cáo Tôn Nguyễn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bị cáo còn con nhỏ, là lao động chính trong gia đình.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng tội danh của bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Đ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, bởi bị cáo Đ không tham gia đánh bị hại T1 và cũng không có tác động gì đến việc bị cáo T đánh bị hại T1; thương tích của T1 là do một mình bị cáo T gây ra, nên bị cáo Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với bị hại T1. Vì vậy, đề nghị HĐXX chuyển khung hình phạt của bị cáo Đ từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết mới: Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo Đ đã khắc phục toàn bộ số tiền còn lại cho người bị hại, khắc phục xong tiền chi phí sửa chữa xe cho ông C; bị hại T1 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm: Chuyển khung hình phạt cho bị cáo Đ từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được T tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy

định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 20/10/2018 Tôn Nguyễn Đ rủ Danh T đi đến gặp đối tượng tên L để đánh dần mặt vì trước đó L hăm đánh Đ thì T đồng ý. Khi đến nơi nhìn thấy L đang ngồi nhậu, Đ lại nói chuyện với L thì được L mời cả hai vào nhậu chung. Trong lúc nhậu Đ nhớ lại trước đây anh C từng đánh bạn của Đ nên Đ cầm dao qua nhà tìm anh C thì xảy ra cự cãi với chị Danh Thị Bích T2 (vợ C) thì được T can ngăn và cả hai lên xe bỏ đi. Một lát sau, T và Đ quay lại thì thấy anh Danh R, T liền hỏi “mày có phải là C không” anh R trả lời là “không phải”, T liền bước xuống xe dùng dao chém trúng vào cẳng tay trái của anh R 01 cái, anh R bỏ chạy thì tiếp tục bị Đ cầm dao chạy đến chém trúng 01 cái vào cánh tay trái của anh R. Lúc này, anh Danh T1 (chú ruột anh R) nhìn thấy nên cầm dao và khúc cây chạy ra ném cây vào người T đồng thời lấy dao chém T nhưng không trúng, T liền dùng dao chém trúng vào đầu T1 01 cái gây thương tích thì được mọi người can ngăn, Đ liền lên xe chở T bỏ chạy. Theo kết quả giám định pháp y thì thương tích do các bị cáo gây ra cho anh R là 25% và gây ra cho anh T1 là 20%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện bản chất hung hăng, côn đồ, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem nhẹ sức khỏe của người khác. Với bản chất hung hăng, côn đồ cộng với có chút hơi men trong người nên bị cáo đã bất chấp cùng lao vào thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù trước đó giữa bị cáo và các bị hại không hề có mâu thuẫn gì với nhau. Các bị cáo dùng dao làm hung khí để gây thương tích cho bị hại, và cùng lúc các bị cáo gây thương tích cho 02 người, hậu quả một người bị thương tích 20% và một người bị thương tích 25% là thương tích nghiêm trọng, nên cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi bị cáo gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo và xử phạt bị cáo Đ mức án dưới khung hình phạt là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Danh T1 tiếp tục làm đơn xin bãi nại và xin giảm án cho bị cáo, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả còn lại cho bị hại, bồi thường xong chi phí sửa chữa xe cho ông Cao Văn C, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ nghiêm.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị: Về tội danh cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về “Cố ý gây thương tích” cũng như áp dụng các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo Đ đã nộp khắc phục xong số tiền còn lại cho bị hại T1 và đã bồi thường chi phí sửa chữa xe cho ông Cao Văn C... nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tuy nhiên, Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là không phù hợp, bởi: Bị cáo Đ không có tham gia gây thương tích cho bị hại T1 cùng với Danh T, việc bị cáo T gây thương tích cho bị hại T1 là do tự bị cáo T bộc phát gây nên; mặc khác trước đó bị cáo Đ cũng không rủ bị cáo T đi gây thương tích cho bị hại... Từ đó, bị cáo Đ không chịu trách nhiệm đối với thương tích của bị hại T1. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm này của Vị đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận, bởi: Mặc dù trước đó 02 bị cáo Đ và T rủ nhau đi tìm đối tượng tên L, tuy nhiên sau khi gặp và xác định được tên L không phải là người có mâu thuẫn với mình thì các bị cáo lại tiếp tục tìm người khác để gây sự là anh C, các bị cáo đã chủ động đến nhà anh C để gây sự, không gặp được anh C các bị cáo lại đập phá tài sản của anh C (chiếc xe mô tô anh C), chưa dừng lại sau khi đập phá xong tài sản của anh C. Một lúc sau, T chở Đ quay lại trước cửa nhà C, T thấy R liền hỏi “mày có phải là C không” R trả lời là “không phải”, T liền bước xuống xe rút dao trong người chém R 01 dao, bị chém bất ngờ R đưa tay trái đỡ nên bị thương ở cẳng tay trái. Lúc này R bỏ chạy thì liền bị Đ cầm dao chạy đến chém trúng vào cánh tay trái làm lưỡi dao văng ra khỏi cán... Lúc này Danh T1 thấy R bị T và Đ chém nên chạy ra xông vào chém T nhưng không trúng, T liền dùng dao chém lại T1 trúng vào đầu gây thương tích, còn Đ không chém được T1 là do dao mà Đ cầm đã bị sút văng ra và khi thấy người nhà của bị hại chạy ra thì Đ đã lấy xe chở T chạy thoát... Trong vụ án này, bị cáo Đ là người rủ rê, lôi kéo đồng bọn thực hiện tội phạm, là người chủ động khởi nguồn việc phạm tội... Mặt khác, sự việc các bị cáo gây thương tích cho các bị hại về mặt thời gian diễn ra liên tục, cả hai bị cáo Đ và T cùng thực hiện hành vi phạm tội và cùng lúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt cho bị cáo Đ từ khoản 3 sang khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tôn Nguyễn Đ.

- Sửa bản án sơ thẩm số 66/2019/HS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang

2. Áp dụng: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Tôn Nguyễn Đ - 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội **“Cố ý gây thương tích”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/5/2019.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện (1);
- THA huyện (1);
- CQCSĐT huyện (1);
- Bị cáo kháng cáo (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Tòa hình sự (5);

Nguyễn Thành Quang